

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2022

“V/v Ly hôn giữa
bà T và ông C”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường;
2. Ông Phạm Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị Bích T**, sinh năm: 1975 (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn C**, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 91 khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Thái Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn C qua quen biết, tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 18/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã V (nay là phường Trường An, thành phố V), tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông C sống hạnh phúc đến năm 2017

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C bỏ nhà đi vợ, chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Sau thời gian chịu đựng xét thấy cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên Bà yêu cầu giải quyết cho Bà được ly hôn ông C. Về con chung: Bà và ông C có một người con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 02/02/1998, con đã trưởng thành có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn Bà và ông C không có nợ chung. Tại phiên tòa bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông C không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông C vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thái Thị Bích T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Trần Văn C vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Ông C vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn đề nghị xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông C đã sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Ông, Bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; con chung đã trưởng thành. Bà T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông C bỏ nhà đi không trở về, không quan tâm vợ con, bất đồng quan điểm sống; ông C không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà T xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Bà và ông C có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, bà Thu xin ly hôn ông C do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C bỏ nhà đi không trở về chăm lo vợ con, trong suốt quá trình tố tụng ông C luôn vắng mặt nên Bà kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông C có một người con chung là Trần Ngọc D đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông C nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà T khai thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông C không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, ông C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thái Thị Bích T và ông Trần Văn C.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà T và ông C có một người con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 02/02/1998 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Thái Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0001042 ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND p.Trường An;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 8 năm 2022;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường;

2. Ông Phạm Văn Tư.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị Bích Thu**, sinh năm: 1975 (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Cường**, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 91 khóm Tân Quới Tây, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thái Thị Bích Thu và ông Trần Văn Cường.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà Thu và ông Cường có một người con chung là Trần Ngọc Dũng, sinh ngày **02/02/1998** đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Thái Thị Bích Thu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0001042 ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Thu đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....